

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 13-9-2022.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn giữa chị Trần Thị H
và anh Nguyễn Tuấn Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 255, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 89, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị H và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, không có tổ chức đám cưới; đến ngày 22/02/2005 chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã thị trấn L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 22/02/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Đ thường xuyên nhậu không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con; mỗi lần nhậu về anh Đ đánh chị H rất nhiều lần; chị H có báo Trưởng ấp và Công an thị trấn L có lập biên bản nhưng cũng không có giải quyết gì; anh Đ cũng thường xuyên đánh hai con là cháu Nguyễn Phước S và Nguyễn Thị O nhưng không rõ nguyên nhân, mỗi khi nhậu về là anh Đ đánh con. Đến năm 2019, chị Đèo cùng hai con bỏ về nhà cha mẹ ruột chị Đèo sinh sống tại số nhà 255, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; trong thời gian chị H sinh sống tại nhà cha mẹ ruột thì anh Đ vẫn đến nhà tìm chị H để kiếm chuyện và chửi chị Đèo nhiều lần. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị H, anh Đ thật sự không còn chung sống từ năm 2019 đến nay.

Quá trình sống chung, chị H và anh Đ có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phước S, sinh ngày 09/5/2005 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 19/3/2008. Từ ngày vợ chồng chị H và anh Đ không chung sống với nhau đến nay, 02 (hai) con đang sống cùng và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh Đ cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận, chị H và anh Đ sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân từ đó đến nay, với nguyên nhân là bất đồng ý kiến trong cuộc sống vợ chồng, chị H cho rằng anh Đ thường xuyên say xỉn rồi có hành vi bạo hành với chị H và các con. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh Đ không có ý định hàn gắn với chị H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở. Vợ chồng chị H, anh Đ có 02 (hai)

con chung tên Nguyễn Phước S, sinh ngày 09/5/2005 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 19/3/2008. Xét thấy hai con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, nên việc giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị H không yêu cầu và anh Đ vắng mặt không có ý kiến đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ; Về con chung: Giao 02 (hai) con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, do chị H không có yêu cầu nên không xem xét về cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Trần Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Đ có địa chỉ cư trú tại số 89, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị H là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh Đ theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS, ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn L là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị H và anh Đ đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tuy nhiên, sau khi cưới chị H và anh Đ sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau từ đó đến nay. Hiện vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H cho rằng anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo hành với chị H và các con. Do không còn tình cảm với anh Đ nên chị H đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Đ tại địa chỉ mà chị H đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh Đ cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị H trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/7/2022 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh Đ không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh Đ phải tự chịu. Hành động của anh Đ còn cho thấy anh Đ không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị H. Từ đó, xác định chị H và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H để cho vợ chồng chị H và anh Đ ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phước S, sinh ngày 09/5/2005 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 19/3/2008. Hiện hai cháu S và O đang sống cùng và do mẹ là chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sự việc này do chị H trình bày nhưng anh Đ đã không đưa ra ý kiến phản bác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định cháu S và cháu O là con chung của chị H và anh Đ.

Chị H cho rằng cháu S và cháu O khỏe mạnh về thể chất, trí tuệ. Khi sống chung với chị H hai cháu vẫn phát triển bình thường. Chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu S, O, không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi hai con cùng chị H. Anh Đ không có ý kiến phản đối, hiện hai con chung đang sống cùng và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về nuôi con chung. Cụ thể giao 02 (hai) con chung là cháu S và cháu O cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định, nguyện vọng và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống cho của hai cháu.

Do anh Đ không có ý kiến gì về con chung và chị H không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của anh Đ và chị H.

Dù không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh Đ vẫn có các quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy

định tại khoản 1 Điều 81; có các nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn Đ trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; Và anh Nguyễn Tuấn Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị H.

Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phước S, sinh ngày 09/5/2005 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 19/3/2008 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện hai cháu S và O đang sống chung và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Tuấn Đ không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu S và cháu O cùng chị H.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Nguyễn Tuấn Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị H.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008902 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị H đã nộp đủ án phí).\

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND thị trấn L;
- (GCNKH số 11 ngày 22/02/2005)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân